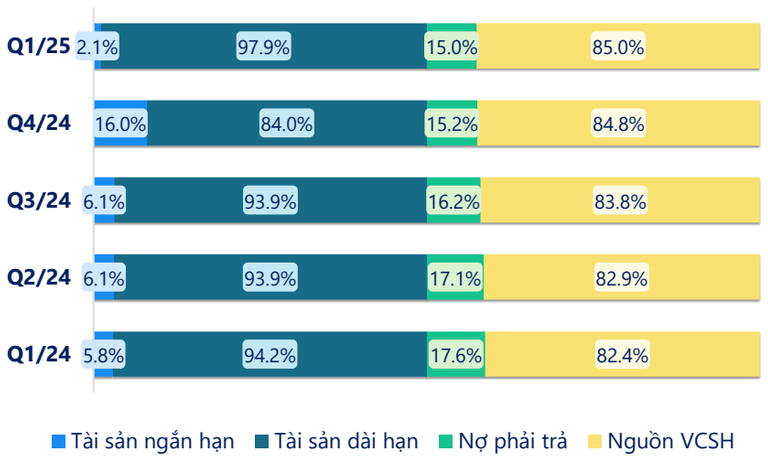
FireAnt

# CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á (HSX: DAH)

| Thông tin giao dịch | 31/03/2025 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 3,460 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | 4,180 |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | 3,030 |
| SL cổ phiếu LH | 84,200,000 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 200,550 |
| % sở hữu nước ngoài | 0.0% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 291 |
| P/E | 45.1 |
| EPS | 77 |

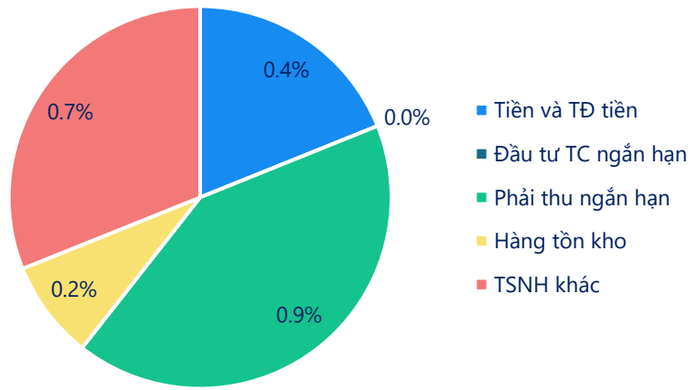
| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| DAH | -4.7% | -3.6% | -2.8% | 4.5% |
| VNINDEX | 2.9% | -0.4% | 2.7% | 1.1% |

## Cơ cấu Tổng tài sản




*(Nguồn: fireant.vn)*

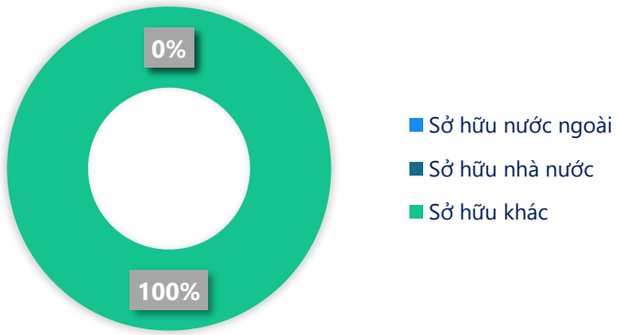
## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS




Q1/25

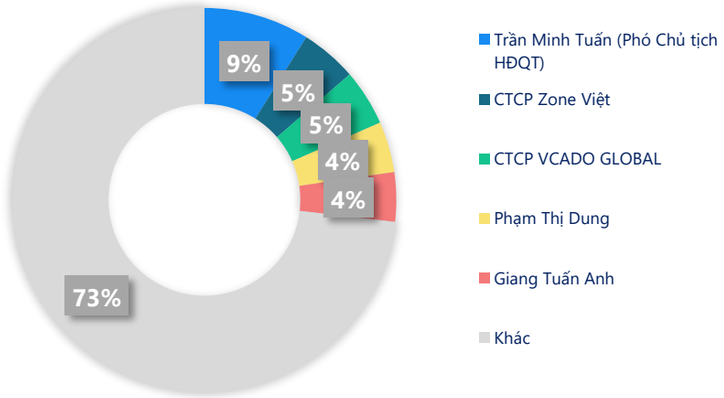
*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu



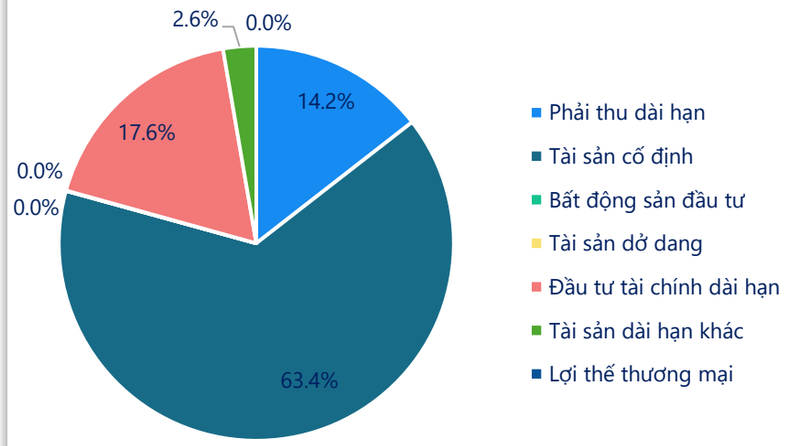

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

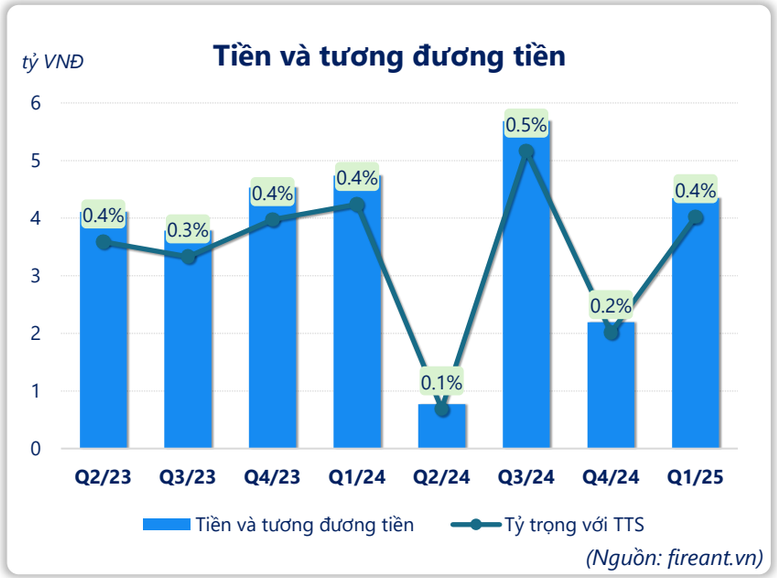



Q1/25

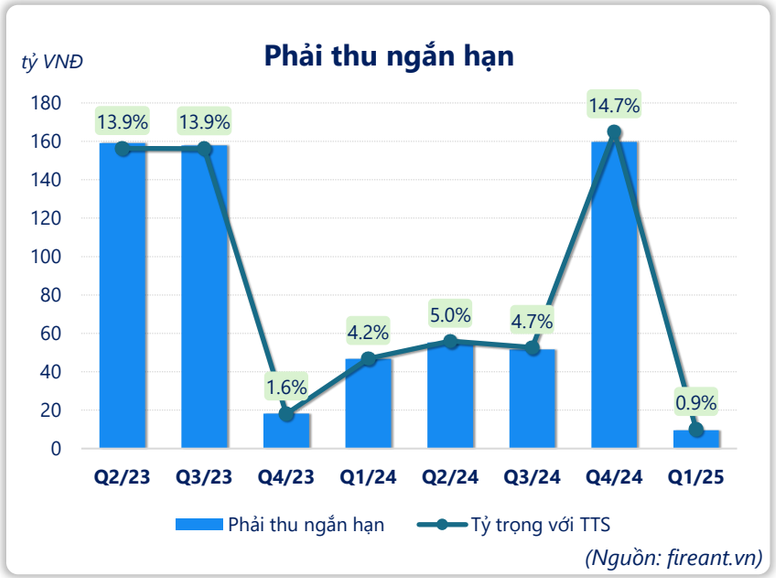
*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

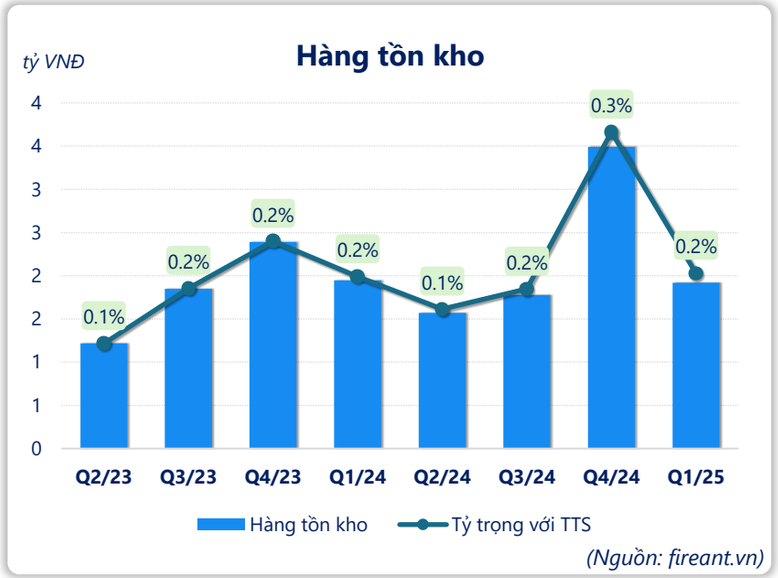
# CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á (HSX: DAH)



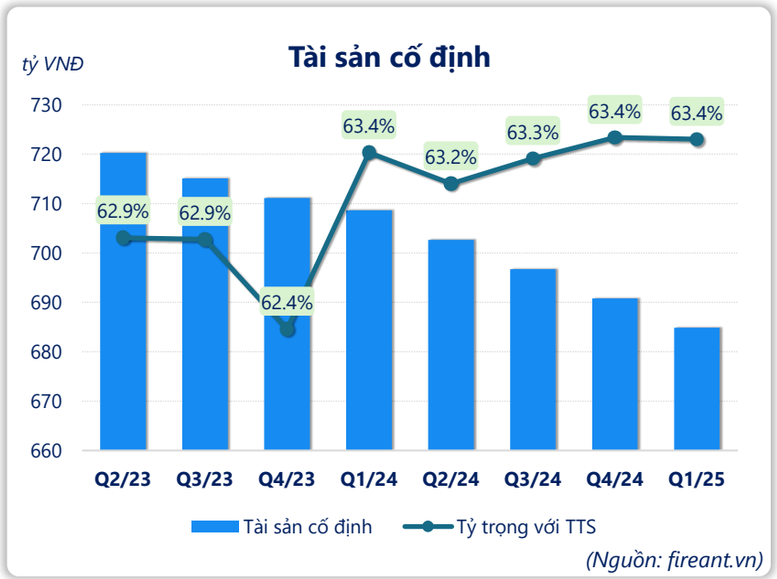

*(Nguồn: fireant.vn)*



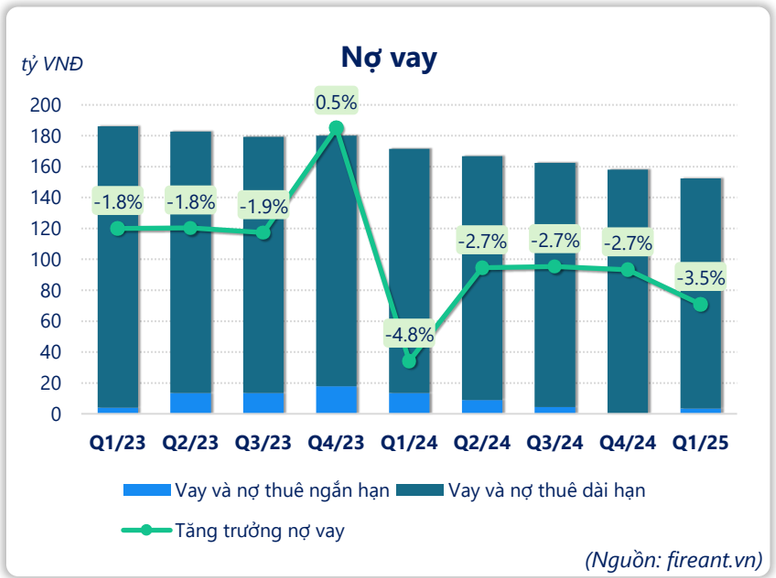

*(Nguồn: fireant.vn)*



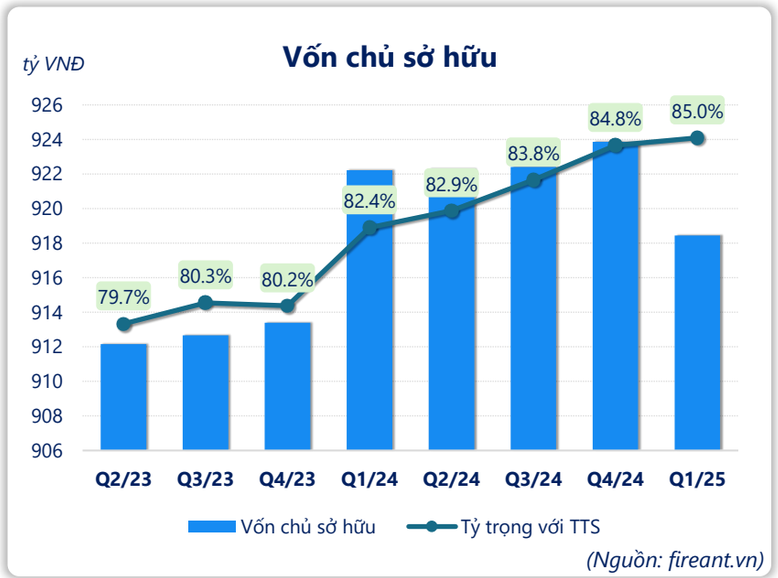

*(Nguồn: fireant.vn)*




*(Nguồn: fireant.vn)*




*(Nguồn: fireant.vn)*



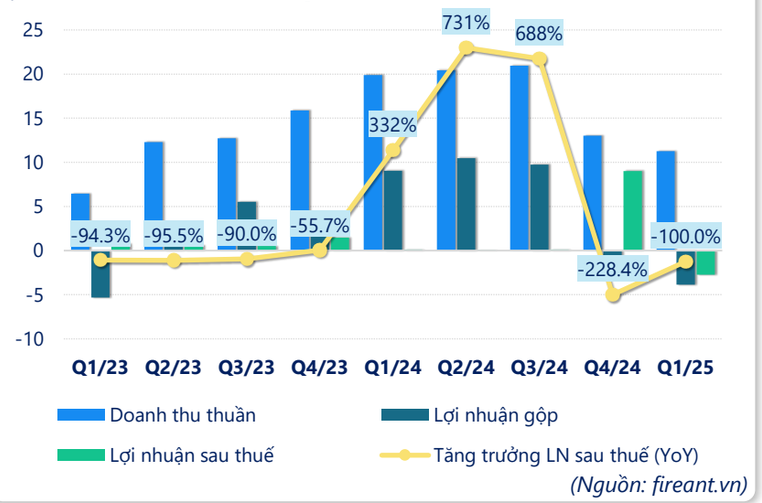

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

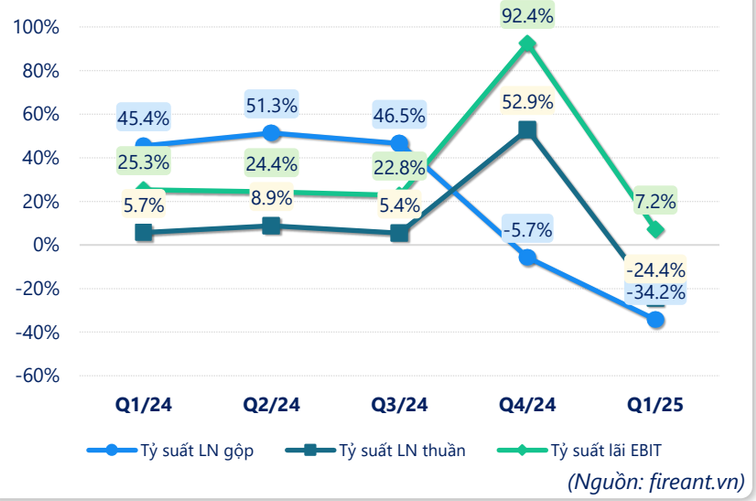
# CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á (HSX: DAH)

## Kết quả kinh doanh



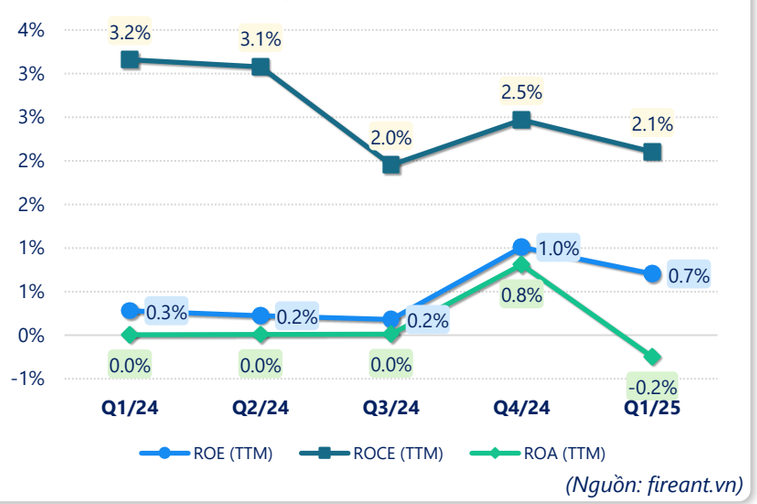

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận



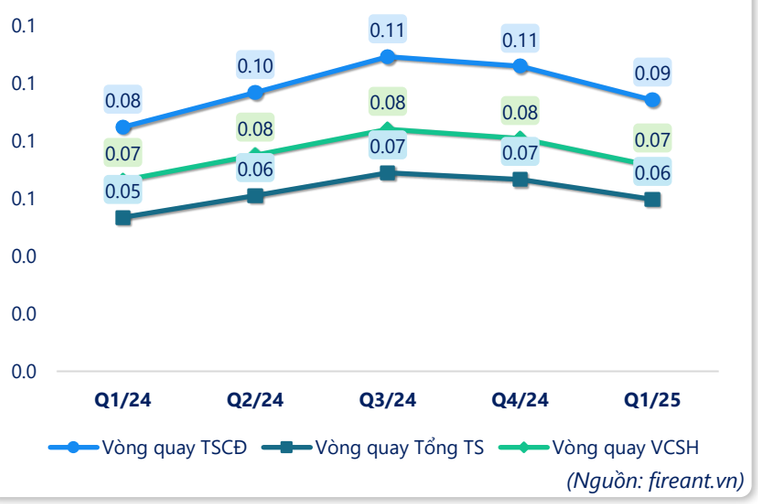

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



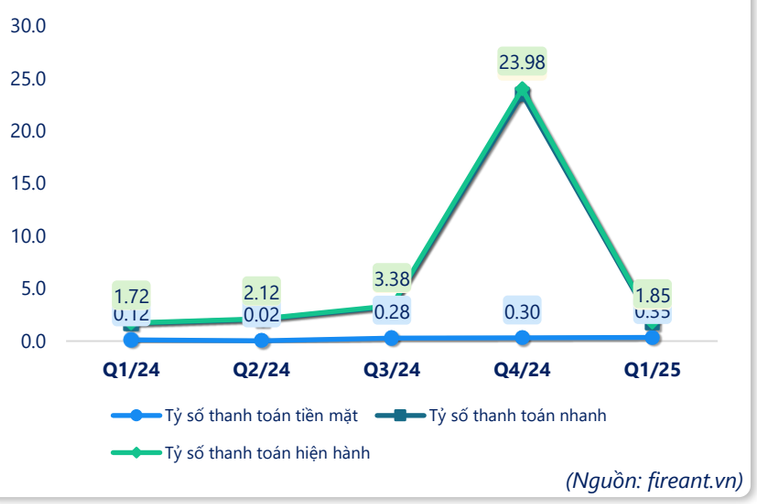

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



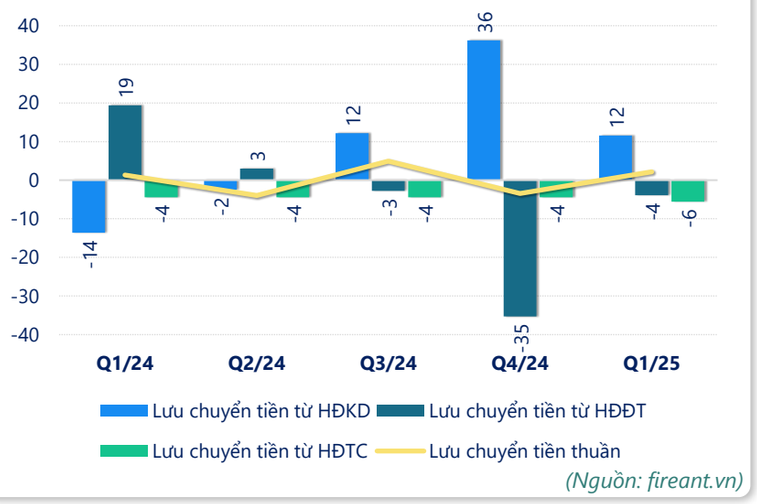

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền




*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

# CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á (HSX: DAH)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)* | Tại ngày 31/3/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **1,080** | **1,088** | **-0.7%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 23.0 | 19.7 | 17.0% |
| Tiền và tương đương tiền | 4.35 | 2.19 | 98.3% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 0 | 0 | |
| Phải thu ngắn hạn | 9.59 | 6.06 | 58.1% |
| Hàng tồn kho | 1.92 | 3.49 | -45.1% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 7.15 | 7.91 | -9.6% |
| **Tài sản dài hạn** | **1,057** | **1,068** | **-1.0%** |
| Phải thu dài hạn | 153 | 156 | -1.9% |
| Tài sản cố định | 685 | 691 | -0.9% |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | |
| Tài sản dở dang | 0.35 | 0.35 | 0.0% |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 190 | 190 | -0.1% |
| Tài sản dài hạn khác | **28.6** | **30.5** | **-6.3%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 0 | |
| **Nợ phải trả** | 161 | 166 | -2.9% |
| **Nợ ngắn hạn** | **12.4** | **17.1** | **-27.2%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 3.38 | 8.94 | -62.2% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 0.88 | 0.74 | 18.8% |
| **Nợ dài hạn** | 149 | 149 | -0.1% |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 149 | 149 | 0.0% |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **918** | **921** | **-0.3%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **918** | **921** | **-0.3%** |
| Vốn điều lệ | 842 | 842 | 0.0% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 19.9 | 20.4 | 21.0 | 13.0 | 11.3 |
| Giá vốn hàng bán | 10.9 | 9.93 | 11.2 | 13.8 | 15.1 |
| **Lợi nhuận gộp** | 9.04 | 10.5 | 9.75 | -0.75 | -3.85 |
| Doanh thu HĐTC | 0.34 | 0.00 | 0.00 | 15.9 | 6.88 |
| Chi phí TC | 4.05 | 3.65 | 3.65 | 3.64 | 3.56 |
| **Chi phí lãi vay** | 4.05 | 3.65 | 3.65 | 3.64 | 3.56 |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0.01 | 0.03 | 0.04 | 0.03 | 0.23 |
| Chi phí QLDN | 4.19 | 4.99 | 4.93 | 4.63 | 1.97 |
| **LN thuần từ HĐKD** | 1.13 | 1.81 | 1.13 | 6.88 | -2.74 |
| Lợi nhuận khác | -0.15 | -0.48 | 0.00 | 1.50 | 0.00 |
| **LN trước thuế** | 0.98 | 1.33 | 1.13 | 8.38 | -2.74 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | 0.12 | 0.06 | 0.12 | 9.00 | -2.74 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | 0.04 | 0.08 | 0.12 | 9.00 | -2.74 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)* | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | -13.6 | -2.49 | 12.1 | 36.2 | 11.6 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | 19.3 | 2.96 | -2.78 | -35.3 | -3.87 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | -4.44 | -4.44 | -4.44 | -4.44 | -5.56 |
| Tiền đầu kỳ | 3.42 | 4.74 | 0.77 | 5.68 | 2.19 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **1.32** | **-3.97** | **4.91** | **-3.49** | **2.16** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiền cuối kỳ | 4.74 | 0.77 | 5.68 | 2.19 | 4.35 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic